| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN DẦU TIẾNG**<br>**TỈNH BÌNH DƯƠNG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 38/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 28-9-2018
V/v tranh chấp ly hôn, quyền nuôi con chung

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Phạm Minh Đồng.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Phi;

2. Bà Lê Thị Phương Dung.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Ngô Nguyễn Minh Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Quang Thịnh – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 306/2018/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2018 về việc "tranh chấp ly hôn, quyền nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn*: Bà Phạm Thị Kim T, sinh năm 1995; HKTT: Số 15, tổ 16, khu phố 2, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương; tạm trú: Ấp R, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương.

*2. Bị đơn*: Ông Nguyễn Khoa L, sinh năm 1994; HKTT: Số 15, tổ 16, khu phố 2, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn bà T có mặt tại phiên tòa. Bị đơn ông L được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn xin ly hôn ngày 17/5/2018, bản tự khai, quá trình làm việc, biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phạm Thị Kim T trình bày:***

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà T và ông L chung sống với nhau từ năm 2014. Hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn vào ngày

08/02/2014 tại Ủy ban nhân dân thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai bên bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi, giữa vợ chồng sống chung không còn tình cảm, không có hạnh phúc. Hiện, bà T thấy rằng tình trạng hôn nhân đã ở mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với ông L.

- *Về con chung:* Quá trình chung sống, bà T và ông L có 01 con chung tên Nguyễn Khoa Q, sinh ngày 14/7/2014. Theo đơn ly hôn, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Tại phiên tòa, bà T thay đổi yêu cầu về nuôi con chung là đồng ý giao con chung cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng và bà T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Chứng cứ mà bà T giao nộp*: 01 bản chính đơn khởi kiện ngày 17/5/2018 của bà T; 01 bản sao giấy CMND và 01 Sổ hộ khẩu; 01 bản chính giấy chứng nhận đăng ký kết hôn; 01 bản chính bản tự khai ngày 17/5/2018; 01 bản sao giấy khai sinh Nguyễn Khoa Q, sinh ngày 14/7/2014. Ngoài ra, bà T không cung cấp chứng cứ hay ý kiến gì khác.

**** Bị đơn (ông Nguyễn Khoa L)***:

Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định để ông L biết và tham gia giải quyết vụ án nhưng ông L cố tình vắng mặt không tham quá trình giải quyết vụ án nên không thu thập được ý kiến của ông L. Ông L đã được triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do.

**** Xác minh và làm việc của Tòa án:***

Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng đã tiến hành xác minh nơi cư trú của các đương sự về sự mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông L, đã xác định được: Trong cuộc sống vợ chồng thì ông L và bà T thường xuyên cự cãi nhau về vấn đề tiền bạc, chi tiêu trong gia đình. Hiện nay, bà T và ông L cũng đã ly thân từ khi nộp đơn ly hôn cho đến nay. Con chung là cháu Nguyễn Khoa Q hiện đang sống cùng với ông L.

**** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng (ông Thịnh) có ý kiến:***

Quá trình tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đã thực hiện đầy đủ việc tống đạt các văn bản tố tụng cho các bên đương sự. Tại phiên tòa, đã có mặt nguyên đơn bà T. Bị đơn ông L được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng cố tình vắng mặt không lý do. Việc vắng mặt của bị đơn ông L là cố tình nên đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn ông L theo các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Không kiến nghị khắc phục, bổ sung các thủ tục tố

tụng. Quan hệ pháp luật là tranh chấp ly hôn, quyền nuôi con chung. Đề nghị, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về ly hôn, giao con chung cho bị đơn trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc cấp dưỡng nuôi con chung.

## NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ. Sau khi nghe lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định,

[1] Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, nguyên đơn bà T có mặt. Bị đơn ông L đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng để bị đơn ông L thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia giải quyết vụ án. Việc vắng mặt của bị đơn ông L là cố tình nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nguyên đơn bà T khởi kiện bị đơn ông L về việc ly hôn và giao con chung tên Nguyễn Khoa Q, sinh ngày 14/7/2014 cho bị đơn ông L trực tiếp nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000 đồng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi, không tranh chấp về tài sản chung và nợ chung. Bị đơn ông L có nơi cư trú tại thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp ly hôn, quyền nuôi con chung.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T:

[3.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà T và ông L tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2014, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn vào ngày 08/02/2014 tại UBND thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương. Hôn nhân giữa bà T và ông L là sự tự nguyện giữa hai bên và thực hiện đúng thủ tục quy định nên được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Quá trình chung sống, bà T và ông L thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do hai bên bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi nhau vì chuyện tiền bạc, chi tiêu trong gia đình; bà T và ông L đã sống ly thân từ tháng 5/2018 cho đến nay. Bà T xác định, vợ chồng đã có quá nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không còn tình cảm nên không thể chung sống với nhau được nữa. Ngược lại, ông L không tham gia vào quá trình tố tụng, không có ý kiến phản bác lại ý kiến của bà T. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng bà T và ông L đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu kéo dài tình trạng hôn nhân thì không có lợi gì cho cả hai. Do đó, cần áp dụng các quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết việc xin ly hôn của các đương sự là phù hợp quy định pháp luật.

[3.2] *Về nuôi con chung:* Quá trình chung sống, bà T và ông L có 01 con chung tên Nguyễn Khoa Q, sinh ngày 14/7/2014. Tại phiên tòa, bà T đồng ý giao con chung cho ông L được trực tiếp nuôi dưỡng và bà T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Hiện, cháu Q đang sinh sống cùng với ông L. Tại phiên tòa, bà T xác định sau ly hôn sẽ sống nhờ nhà của mẹ ruột nên đồng ý giao con chung cho ông L được trực tiếp nuôi dưỡng, ý kiến của bà T là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3.3] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Bà T xác định bản thân có nghĩa vụ với con chung nên bà T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi, việc cấp dưỡng nuôi con chung của bà T là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3.4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà T không tranh chấp về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ án , các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như di ễn biến tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật.

[5] Nguyên đơn bà T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 19, 53, 56, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117, 118 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

I. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp ly hôn, quyền nuôi con chung của bà Phạm Thị Kim T đối với ông Nguyễn Khoa L, xử lý cụ thể như sau:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Phạm Thị Kim T được ly hôn đối với ông Nguyễn Khoa L.

2. *Về con chung*: Ông Nguyễn Khoa L được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Khoa Q, sinh ngày 14/7/2014. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Phạm Thị Kim T về việc cấp dưỡng nuôi con chung với mức mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

Hai bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm

dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

Khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày ông L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà T không thanh toán số tiền trên, thì hàng tháng bà T còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà T không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

II. Về án phí: Bà Phạm Thị Kim T phải chịu số tiền 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng), trong đó 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng sơ thẩm. Sau khi khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0011844 ngày 17/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương, bà T còn phải nộp số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án (ngày 28/9/2018).

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định.

Trường hợp Bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận***:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THA DS huyện Dầu Tiếng;
- UBND thị trấn D;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Minh Đồng**